TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26- 03 - 2024
"V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Hoàng Xuân Niêm

- ***Thư ký Phiên tòa****:* Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Út N, sinh năm 1994; Có mặt.

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã A, Tp C, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Chị Trần Thu H, sinh năm 1992; Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh N trình bày, anh và chị H kết hôn với nhau trên tin thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, Tp C vào năm 2016. Qúa trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không có tiến nói chung, hiện đã ly thân, vợ chồng không hạnh phúc nên anh N yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh N xác định không có.

Về tài sản chung: Anh N xác định không có.

Về nợ chung: Anh N xác định không có.

Đối với chị Trần Thu H, Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, chị H biết được việc yêu cầu ly hôn của Anh N, nhưng Chị H vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của anh N.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của Anh Trần Út N về việc xin ly hôn với chị Trần Thu H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị H là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, nhưng chị H là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh N và chị H kết hôn với nhau trên tin thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, Tp C vào năm 2016. Qúa trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không có tiến nói chung, hiện đã ly thân, vợ chồng không hạnh phúc nên anh N yêu cầu ly hôn với chị H.

Đối với chị H, biết được yêu cầu xin ly hôn của anh N, nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của anh N, cho thấy chị H chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo yêu cầu của anh N khi phù hợp với quy định của pháp luật.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, cụ thể là yêu cầu của anh N xin ly hôn với chị H. Anh N xác định trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau và đã ly thân, vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh N đối chiếu với quy định là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh N xác định không có.

[5] Về tài sản chung: Anh N xác định không có.

[6] Về nợ chung: Anh N xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình Anh N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Út N về việc xin ly hôn với chị Trần Thu H.

Về con chung: Anh N xác định không có.

Về tài sản chung: Anh N xác định không có.

Về nợ chung: Anh N xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Anh N nộp 300.000đ. Vào ngày 17/10/2023, anh N đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003933 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- UBND xã H, h. Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyện